MIRAE ASSET Securities

19 Tháng Mười Một 2021

Bản tin cuối ngày

Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeasset.com.vn

Thang đo sức mạnh thị trường

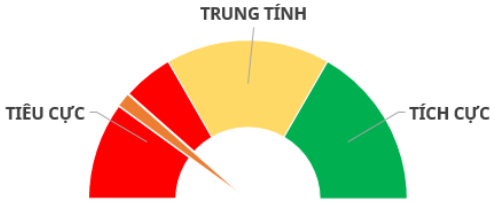

Nguồn: Phòng Nghiên cứu Mirae Asset

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1W (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,452.35	-1.43	4.09	47.71
HNX	453.97	2.79	17.31	209.14
UPCOM	113.24	2.33	13.70	71.45
MSCI EM	1,273.87	-0.90	-1.60	6.12
NIKKEI	29,745.87	0.46	1.82	16.04
HANG SENG	25,049.97	-1.10	-2.86	-4.96
KOSPI	2,971.02	0.07	-1.92	16.63
FTSE	7,273.74	-1.01	0.78	14.83
S&P 500	4,704.54	1.19	4.09	31.34
NASDAQ	15,993.71	1.84	5.71	34.35

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	17.30	2.73	15.65
SET INDEX	19.73	1.78	7.85
JCI INDEX	26.66	2.04	6.85
PCOMP INDEX	24.04	1.79	7.68

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1W (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	0
5 năm	0.76	0	-15	-48
10 năm	2.07	-1	-8	-49

Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1W (%)	1M (%)	1Y (%)
US$/VND	22,650	-0.02	0.45	2.29
US$/KRW	1,185	-0.48	-0.52	-5.91
US$/JPY	114	-0.49	-0.06	-9.36
US$/EUR	0.88	0.94	2.62	4.74
US$/GBP	0.74	-0.56	2.25	-1.68
US$/SGD	1.36	-0.49	-1.04	-1.07

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	1,905	1,235	791
HNX	294	174	116
UPCOM	221	118	59

Định giá VN-INDEX: P/E 10 năm lịch sử

Nhận định thị trường

Gặp kháng cự mạnh tại 1.480, VN-Index điều chỉnh sau 3 tuần liên tục tăng điểm

Sau 3 tuần tăng điểm liên tục, VN-Index đã có tuần giảm điểm đầu tiên với mức giảm 21.02 điểm (-1,43%), chốt tuần tại 1.452,35. Trong tuần ngưỡng 1.480 là thử thách quan trọng của chỉ số trên con đường hướng đến 1.500, VN-Index đã có 2 phiên kiểm tra ngưỡng trên vào ngày 15 và 18/11 nhưng không thành công. Phiên cuối tuần chỉ số đã chịu áp lực chốt lãi mạnh, có lúc VN-Index đã chạm 1.434 nhưng cuối phiên đã hồi phục khá tốt về trên 1.450.

Nhóm cổ phiếu vừa và nhỏ tiếp tục chiếm tỷ trọng cao trong 10 cổ phiếu ảnh hưởng tích cực đến VN-Index với các cái tên GEX, DGC, TCH, VND và DGW. Bên chiều giảm điểm HPG trong tuần đã giảm hơn 12% kéo chỉ số giảm 7,7 điểm, tiếp theo là GAS với mức giảm 10,2% ảnh hưởng -6 điểm đến chỉ số.

Khối ngoại duy trì trạng thái bán ròng với giá trị 1.192 tỷ đồng trong tuần. SSI và HPG là 2 cổ phiếu bị bán ròng mạnh nhất với giá trị lần lượt 692 tỷ đồng và 633 tỷ đồng. Bên phía mua ròng, mã FUEVFVND của ETF VN-Diamond được khối ngoại mua ròng nhiều nhất với giá trị 553 tỷ đồng.

VN-Index đang thiếu lực kéo để chinh phục ngưỡng 1.480 khi nhóm cổ phiếu vừa và nhỏ vẫn đang là những đầu kéo chính của thị trường. Các mã này sau khoảng thời gian dài tăng điểm, rủi ro xuất hiện nhịp điều chỉnh đang hiện hữu. Để tiếp tục duy trì xu hướng tăng, dòng tiền cần tìm đến các mã bluechip. Tuy nhiên chỉ báo xu hướng ngắn hạn VN-Index đã chuyển sang tiêu cực do đó NĐT nên thận trọng chờ đợi cho đến khi dòng tiền có sự luân chuyển thật sự. Điểm số kĩ thuật ngắn hạn của Mirae Asset đang ở mức **-5 (TIÊU CỰC).** P/E của VN-Index hiện đang ở mức 17,30.

Phạm Bình Phương, Analyst, 84-8-39102222, phuong.pb@miraeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	-5	TIÊU CỰC
VN30	-7	TIÊU CỰC
VN30F1M	-7	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	-1	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-1	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	5	KHẢ QUAN
Kospi	2	TRUNG TÍNH
Nikkei 225	2	TRUNG TÍNH
FTSE 100 (EU)	-4	TIÊU CỰC
Dow Jones	-3	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Vui lòng xem điều khoản miễn trừ ở trang cuối

Bản tin tuần

Thị trường trái phiếu:

- Trong tuần, KBNN đã huy động thành công 7.214 tỷ đồng, đạt 76% tổng lượng phát hành, tỷ lệ Chào mua/ Gọi thầu giảm về 2,2 lần từ mức 3,1 lần của tuần trước. Cụ thể, kỳ hạn 5 năm phát hành thành công 200/ 1.000 tỷ đồng tại mức lợi suất 0,76% (-7bps); Kỳ hạn 7 năm phát hành thành công 250/ 1.000 tỷ đồng tại mức lợi suất 1,1% (-7bps); Kỳ hạn 10 năm phát hành thành công 2.541/ 3.000 tỷ đồng bao gồm phát hành lần đầu và bổ sung, lợi suất phát hành đạt 2,06% (-3bps); Kỳ hạn 15 năm phát hành thành công 2.723 /3.000 tỷ đồng tại mức lợi suất 2,33% (-1bps) và kỳ hạn 30 năm phát hành thành công 1.500 /2.000 tỷ đồng tại mức lời suất 2,98% không đổi so với tuần trước.
- Tuần sau vào ngày 24/11 KBNN sẽ tổ chức đấu thầu 8.000 tỷ đồng TPCP tại các kỳ hạn: (1) Kỳ hạn 5 năm có giá trị 1.000 tỷ đồng; (2) Kỳ hạn 10 năm có giá trị 2.000 tỷ đồng; (3) Kỳ hạn 15 năm có giá trị 3.000 tỷ đồng và (4) Kỳ hạn 20 năm có giá trị 2.000 tỷ đồng.

Nguồn: Bộ phận phân tích Mirae Asset, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính.

Thị trường tiền tệ:

- **Lãi suất liên ngân hàng**: Trong tuần 10/10 – 17/11, kỳ hạn O/N và 1 tuần lần lượt ghi nhận các mức 0,65% (+2bps) và 0,72% (+1bps). Chiều ngược lại các kỳ hạn 2 tuần, 1 tháng, 3 tháng và 6 tháng lần lượt giảm về các mức 0,81% (-5bps), 1,3% (-45bps), 2,16% (-42bps) và 2,8% (-31bps).
- Tỷ giá VND/USD tại ngày 19/11/21 của NHNN đã giảm 0,013% so với cuối tuần trước, về mức 23.112 VND/USD. Tỷ giá NHTM tăng 0,044% ở cả chiều mua lẫn bán lên mức 22.525 – 22.755 VND/USD. Trong khi đó, tỷ giá tự do cũng tăng cả chiều mua lẫn bán lên mức 23.370 – 23.410, mức tăng tương ứng 0,404% và 0,274%.

Nguồn: Bộ phận phân tích Mirae Asset, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Vietcombank

Bản tin thị trường

Phân tích kỹ thuật

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	-5	**TIÊU CỰC**
VN30	-7	**TIÊU CỰC**
VN30F1M	-7	**TIÊU CỰC**
VN DIAMOND	-1	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-1	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index		Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (15/10/2021)	1,473.37	Kháng cự 1	**1.500**
Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần)	**Đi ngang**	Kháng cự 2	**1.550**
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	**Tăng**	Hỗ trợ 1	**1.450**
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	**Tăng**	Hỗ trợ 2	**1.400**

Ngưỡng 1.480 đang là kháng cự mạnh của VN-Index, chỉ số đang đóng cửa tại hỗ trợ MA 20 ngày và cần duy trì hỗ trợ này trong phiên tiếp theo để duy trì xu hướng tăng điểm Trung hạn. Xu hướng ngăn hạn của VN-Index đang về trạng thái Đi ngang **-5 (TIÊU CỰC).**

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)

Nguồn: Fireant

Nhận định phái sinh

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (19/11/2021)	1,502	Kháng cự 1	**1.530**
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TRUNG TÍNH	Kháng cự 2	**1.550**
VN30 – đóng cửa	1.500	Hỗ trợ 1	**1.500**
Chênh lệch **VN30F1M** & **VN30**	2.45	Hỗ trợ 2	**1.480**

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	-7	**TIÊU CỰC**
VN30F1M (chart 60 phút)	-7	**TIÊU CỰC**
VN30F1M (chart ngày)	-7	**TIÊU CỰC**

VN30F1M đã có những phản ứng tích cực khi về ngưỡng hỗ trợ mạnh quanh 1,488 và vẫn giữ được ngưỡng 1,500 điểm. Tuy nhiên với việc mức giá đang nằm giữa ngưỡng kháng cự và hộ trợ mạnh với biên độ hẹp, cho nên chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư không nên mở vị thế mới theo dõi chờ xu hướng mới được hình thành

Chiến lược 1 (Short)	Điểm số	Chiến lược 2 (Long)	Điểm số
+ Short	n/a	**+ Long**	n/a
+ Stop loss (Cắt lỗ)	n/a	**+ Stop loss (Cắt lỗ)**	n/a
+ Take profit (Chốt lời)	n/a	**+ Take profit (Chốt lời)**	n/a

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (đồ thị ngày)

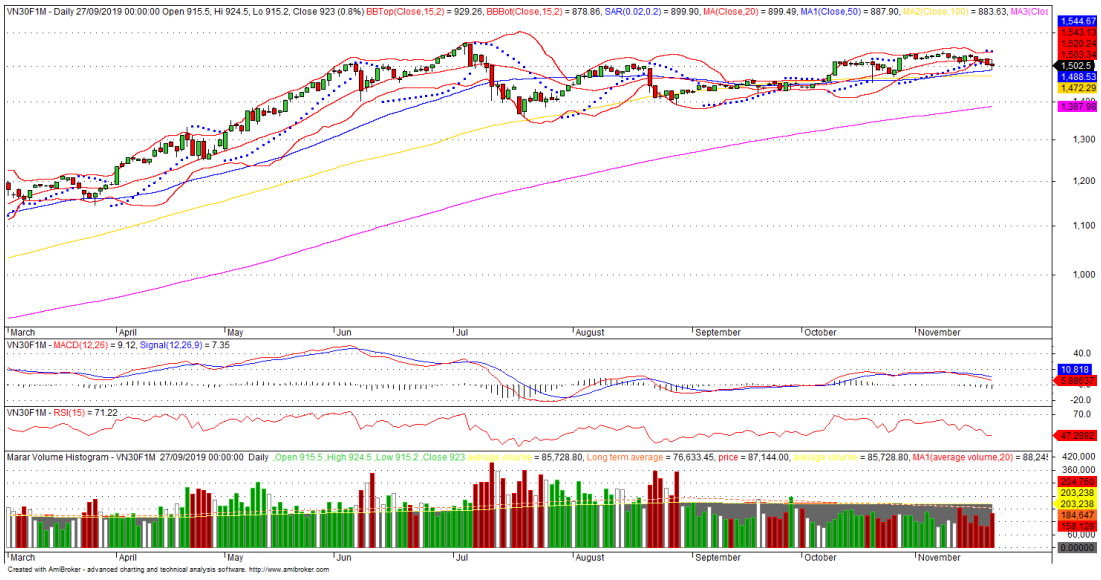

Nguồn: Fdata

TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ – MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
DGW	Bán lẻ	136,000	839,675	**100**	7	**Top sức mạnh ngành**
MWG	Bán lẻ	139,000	1,478,285	**85**	4	**Top sức mạnh ngành**
GEX	Điện	51,000	16,454,895	**97**	7	
DGC	Hóa chất	169,300	1,724,705	**99**	6	
ASM	Thủy sản	23,000	5,478,315	**89**	7	

(*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.
(**) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
GEX	51	16,454,895	**7**	**KHẢ QUAN**	39,841	29.5	3.4	839
FLC	16.5	26,310,196	**7**	**KHẢ QUAN**	11,715	7.7	1.2	434
PAN	40.6	9,377,545	**7**	**KHẢ QUAN**	8,481	40.0	2.3	381
SCR	19.2	14,799,315	**7**	**KHẢ QUAN**	7,034	25.0	1.5	284
ITA	12.6	20,775,860	**7**	**KHẢ QUAN**	11,823	71.7	1.1	262
HQC	6.9	29,647,250	**7**	**KHẢ QUAN**	3,289	780.9	0.8	205
HDB	30.2	5,960,710	**7**	**KHẢ QUAN**	60,165	10.7	2.2	180
IDI	18.55	7,812,535	**7**	**KHẢ QUAN**	4,223	51.1	1.5	145
ASM	23	5,478,315	**7**	**KHẢ QUAN**	5,954	10.4	1.2	126
TSC	16.45	7,015,605	**7**	**KHẢ QUAN**	2,429	21.6	1.4	115
DGW	136	839,675	**7**	**KHẢ QUAN**	12,022	27.5	8.3	114
ART	15.1	6,543,825	**7**	**KHẢ QUAN**	1,464	154.9	1.3	99
SSI	48.5	20,129,070	**6**	**KHẢ QUAN**	47,644	22.3	3.5	976
DGC	169.3	1,724,705	**6**	**KHẢ QUAN**	28,964	23.3	5.9	292
CEO	31.5	8,984,345	**5**	**KHẢ QUAN**	8,106	#N/A N/A	2.9	283
TCH	25.65	9,713,335	**5**	**KHẢ QUAN**	15,870	19.6	1.6	249
VIX	33.9	6,679,845	**5**	**KHẢ QUAN**	9,309	10.3	3.1	226
MWG	139	1,478,285	**4**	**KHẢ QUAN**	99,094	22.7	5.3	205
PLX	59.2	2,779,060	**4**	**KHẢ QUAN**	75,473	22.4	3.1	165
ROS	7.26	20,612,136	**4**	**KHẢ QUAN**	4,121	22.5	0.7	150
BID	44.65	2,452,325	**4**	**KHẢ QUAN**	178,578	18.1	2.2	109
TVB	31	3,339,140	**4**	**KHẢ QUAN**	3,308	10.4	2.7	104
FCN	18	5,686,770	**4**	**KHẢ QUAN**	2,245	19.1	1.0	102
CTS	44.5	2,284,605	**4**	**KHẢ QUAN**	4,735	15.9	2.9	102
AGR	25	3,950,740	**4**	**KHẢ QUAN**	5,300	15.8	2.3	99
BCG	28.7	6,317,705	**3**	**TRUNG TÍNH**	8,539	8.1	2.4	181
TCM	81.7	1,273,775	**3**	**TRUNG TÍNH**	5,822	35.5	3.5	104
VND	75	9,174,365	**2**	**TRUNG TÍNH**	32,177	14.8	3.8	688
STB	27.9	16,840,376	**2**	**TRUNG TÍNH**	52,598	14.9	1.6	470
VCI	74	5,899,105	**2**	**TRUNG TÍNH**	24,642	17.8	3.9	437

DXG	26.55	13,445,135	**2**	**TRUNG TÍNH**	15,824	20.4	1.9	357
POW	13.95	21,616,270	**2**	**TRUNG TÍNH**	32,669	11.3	1.1	302
HBC	24.35	12,124,675	**2**	**TRUNG TÍNH**	5,903	58.2	1.6	295
CII	29.55	8,985,320	**2**	**TRUNG TÍNH**	7,062	2,495.5	1.5	266
SBT	25.85	9,306,950	**2**	**TRUNG TÍNH**	16,264	24.2	2.0	241
APS	57.5	4,145,835	**2**	**TRUNG TÍNH**	4,485	13.5	4.9	238
HAG	8.01	25,999,084	**2**	**TRUNG TÍNH**	7,428	#N/A N/A	1.5	208
ORS	32.1	5,399,675	**2**	**TRUNG TÍNH**	6,420	#N/A N/A	3.0	173
SBS	19.5	8,130,135	**2**	**TRUNG TÍNH**	2,470	2,149.9	11.9	159
DPG	94.8	1,485,350	**2**	**TRUNG TÍNH**	5,972	15.8	4.8	141
TVC	27.4	4,823,125	**2**	**TRUNG TÍNH**	2,839	5.1	1.9	132
HAH	71	1,810,375	**2**	**TRUNG TÍNH**	3,365	12.2	2.7	129
TTF	10.8	10,502,235	**2**	**TRUNG TÍNH**	3,361	#N/A N/A	#N/A N/A	113
FRT	59.4	1,657,095	**2**	**TRUNG TÍNH**	4,660	40.8	3.5	98
DIG	70	9,283,620	**1**	**TRUNG TÍNH**	34,992	39.9	5.9	650
HCM	46.6	4,989,795	**1**	**TRUNG TÍNH**	21,322	17.6	3.6	233
VGC	51.9	2,005,400	**1**	**TRUNG TÍNH**	23,269	24.5	3.5	104
CTG	32.8	12,526,440	**0**	**TRUNG TÍNH**	157,629	9.5	1.7	411
LPB	22.7	10,715,370	**0**	**TRUNG TÍNH**	27,322	9.9	1.7	243
LDG	14.2	16,207,305	**0**	**TRUNG TÍNH**	3,400	111.8	1.1	230
DBC	65	2,596,645	**0**	**TRUNG TÍNH**	7,491	7.6	1.6	169
FIT	15.3	10,340,950	**0**	**TRUNG TÍNH**	3,897	26.5	1.2	158
MBS	42.5	2,874,955	**0**	**TRUNG TÍNH**	11,373	19.1	3.5	122
HT1	25.2	4,189,145	**0**	**TRUNG TÍNH**	9,615	20.8	1.7	106
HNG	8.99	11,493,705	**0**	**TRUNG TÍNH**	9,966	177.0	1.5	103
PHR	73.9	1,354,235	**0**	**TRUNG TÍNH**	10,013	14.6	3.2	100
DRC	35.25	2,803,185	**0**	**TRUNG TÍNH**	4,187	13.4	2.4	99
FPT	95.3	2,164,765	**-1**	**TRUNG TÍNH**	86,482	21.4	5.1	206
TCB	52.3	18,999,336	**-2**	**TRUNG TÍNH**	183,621	10.5	2.1	994
SHS	49.5	8,350,310	**-2**	**TRUNG TÍNH**	16,101	12.1	3.5	413
IDC	88	4,640,715	**-2**	**TRUNG TÍNH**	26,400	48.5	6.5	408
NLG	62.1	6,529,810	**-2**	**TRUNG TÍNH**	21,441	13.0	2.4	406
VPB	36.2	9,089,730	**-2**	**TRUNG TÍNH**	160,926	13.0	2.6	329
MBB	28.3	11,552,310	**-2**	**TRUNG TÍNH**	106,927	9.6	1.9	327
HHV	23	11,125,555	**-2**	**TRUNG TÍNH**	6,150	39.4	1.0	256
VIC	94.8	2,174,940	**-2**	**TRUNG TÍNH**	360,734	76.0	3.6	206
MSN	147.4	1,363,925	**-2**	**TRUNG TÍNH**	174,011	72.6	8.1	201
AAA	17.5	9,352,715	**-2**	**TRUNG TÍNH**	5,713	16.6	1.2	164
KBC	50	13,259,795	**-4**	**TIÊU CỰC**	28,488	29.3	1.8	663
SHB	23.25	20,171,800	**-4**	**TIÊU CỰC**	62,005	12.7	2.0	469
DCM	35.9	8,528,600	**-4**	**TIÊU CỰC**	19,005	21.1	2.9	306
VRE	30.5	8,444,365	**-4**	**TIÊU CỰC**	69,306	32.0	2.3	258
ACB	33.45	6,205,340	**-4**	**TIÊU CỰC**	90,380	9.3	2.1	208
PVT	24.5	5,527,905	**-4**	**TIÊU CỰC**	7,929	10.0	1.6	135
NDN	23.5	5,640,160	**-4**	**TIÊU CỰC**	1,684	5.8	1.6	133
KDC	58.8	1,853,620	**-4**	**TIÊU CỰC**	13,496	26.3	2.3	109
VJC	127.8	844,775	**-4**	**TIÊU CỰC**	69,218	458.7	4.1	108
LCG	18.6	5,793,090	**-4**	**TIÊU CỰC**	3,245	9.2	1.5	108

VCB	97.1	1,012,115	**-4**	**TIÊU CỰC**	360,132	17.0	3.3	98
HPG	48	32,554,950	**-5**	**TIÊU CỰC**	214,700	6.8	2.6	1,563
VHM	80.5	7,636,790	**-5**	**TIÊU CỰC**	350,527	9.7	4.0	615
DPM	46	6,790,020	**-5**	**TIÊU CỰC**	18,001	11.4	2.0	312
PVD	28.5	9,600,395	**-5**	**TIÊU CỰC**	12,002	317.2	0.9	274
GMD	49.7	4,369,605	**-5**	**TIÊU CỰC**	14,978	34.4	2.5	217
VGT	26.1	7,325,695	**-5**	**TIÊU CỰC**	13,050	45.8	2.1	191
TNG	31.5	3,490,285	**-5**	**TIÊU CỰC**	2,706	13.6	2.0	110
KSB	39	2,532,970	**-5**	**TIÊU CỰC**	2,859	11.3	1.7	99
PDR	90.5	4,260,930	**-6**	**TIÊU CỰC**	44,150	28.0	7.1	386
TPB	43.5	2,998,860	**-6**	**TIÊU CỰC**	50,968	9.8	2.1	130
NKG	42	10,509,390	**-7**	**TIÊU CỰC**	9,173	4.4	1.7	441
HSG	37.5	10,479,455	**-7**	**TIÊU CỰC**	18,506	4.3	1.7	393
NVL	102.2	3,302,095	**-7**	**TIÊU CỰC**	150,602	43.0	4.4	337
VNM	86.1	3,630,340	**-7**	**TIÊU CỰC**	179,945	19.1	5.8	313
PVS	26.5	11,717,875	**-7**	**TIÊU CỰC**	12,666	22.3	1.0	311
BSR	21.7	14,303,600	**-7**	**TIÊU CỰC**	67,281	#N/A N/A	2.2	310
IJC	31.3	8,288,975	**-7**	**TIÊU CỰC**	6,795	9.1	2.1	259
GVR	38.2	5,268,810	**-7**	**TIÊU CỰC**	150,800	30.3	3.1	201
GAS	106	1,841,030	**-7**	**TIÊU CỰC**	202,879	24.7	4.1	195
KDH	45.9	3,562,195	**-7**	**TIÊU CỰC**	29,511	24.7	3.0	164
BVH	61.1	1,743,620	**-7**	**TIÊU CỰC**	45,356	24.7	2.1	107

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Giá quặng sắt thấp nhất 18 tháng

Giá quặng sắt trong hợp đồng giao tháng 1/2022 trên sàn giao dịch Đại Liên trong phiên đóng cửa ngày 18/11 ở mức 511,5 nhân dân tệ/tấn (80,2 USD/tấn), thấp nhất kể từ ngày 4/11/2020.

Theo Fastmarkets MB, giá quặng 62% Fe nhập vào cảng ở miền Bắc Trung Quốc giao dịch ở mức 87,3 USD/tấn, giảm 4% so với ngày 17/11. Đây cũng là mức thấp nhất kể từ tháng 5/2020.

Giao dịch đất nền TP HCM và vùng ven tăng trở lại

Báo cáo cập nhật thị trường đất nền các tỉnh phía Nam của DKRA Việt Nam cho biết trong tháng 10, toàn thị trường TP HCM và các tỉnh lân cận Long An, Đồng Nai và Bà Rịa - Vũng Tàu ghi nhận nguồn cung và thanh khoản tăng trở lại.

Các tỉnh phía Nam ghi nhận 9 dự án đất nền mở bán gồm 4 dự án mới, 5 dự án thuộc giai đoạn tiếp theo. Tổng nguồn cung trong tháng là 649 sản phẩm, tăng khoảng 20% so với cùng kỳ 2020 (535 sản phẩm) và tăng 6,8 lần so với tháng 9.

Việc TP HCM và các tỉnh phía Nam dỡ phong tỏa trong tháng 10 giúp khách hàng có thể di chuyển đi xem đất, từ đó nâng tỷ lệ tiêu thụ đạt khoảng 36% (233 sản phẩm), bằng 65% so với cùng kỳ năm trước (359 sản phẩm), tăng hơn 10 lần so với tháng trước.

Nguồn cung mới trong tháng 10 tập trung chủ yếu ở 4 địa phương là TP HCM, Long An, Đồng Nai và Bà Rịa - Vũng Tàu. Tỉnh Bình Dương và Tây Ninh không ghi nhận nguồn cung mới trong tháng qua.

Tỉnh Long An dẫn đầu thị trường đất nền phía Nam với 3 dự án mở bán (1 dự án mới, 2 dự án thuộc giai đoạn tiếp theo), cung cấp ra thị trường 353 sản phẩm, chiếm 54% tổng nguồn cung toàn thị trường.

Phó Thủ tướng: Hoàn thành xây dựng sân bay Long Thành vào tháng 1/2025

Văn phòng Chính phủ vừa có văn bản thông báo kết luận của Phó Thủ tướng Lê Văn Thành tại cuộc họp về tình hình thực hiện công tác giải phóng mặt bằng và đầu tư xây dựng dự án cảng hàng không quốc tế Long Thành.

Văn bản nêu rõ dự án cảng hàng không quốc tế Long Thành là công trình trọng điểm quốc gia, quy mô mang tầm cỡ quốc tế, khi đi vào hoạt động sẽ giảm tải giao thông cho TP HCM, là động lực phát triển kinh tế vùng và của cả nước. Trong thời gian qua, các bộ, ngành, UBND tỉnh Đồng Nai, Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam (ACV), Tổng công ty quản lý bay Việt Nam (VATM) và các đơn vị tư vấn, nhà thầu đã quan tâm công tác chuẩn bị đầu tư, tích cực triển khai các hạng mục công trình, khắc phục các khó khăn, vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ công tác giải phóng mặt bằng và thực hiện các dự án thành phần. Tuy nhiên, dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư vẫn chưa đạt tiến độ theo yêu cầu của Quốc hội phải hoàn thành trước 31/12.

Để dự án cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 1 hoàn thành theo đúng tiến độ vào 2025, bảo đảm chất lượng và hiệu quả, Phó Thủ tướng Lê Văn Thành đề nghị lãnh đạo Đồng Nai tập trung chỉ đạo, phấn đấu đến cuối năm nay giá trị giải ngân đạt 79,3% số vốn đã được bố trí như báo cáo của tỉnh và hoàn thành việc thu hồi toàn bộ 4.946,5 ha đất của dự án vào 30/6/2022. Tỉnh Đồng Nai ưu tiên hoàn thành bàn giao mặt bằng những khu vực phục vụ thi công các hạng mục công trình chính (khu bay, nhà ga, đài kiểm soát không lưu,...).

Về dự án đầu tư xây dựng cảng hàng không Long Thành, Phó Thủ tướng yêu cầu chủ đầu tư các dự án thành phần chủ động triển khai các hạng mục công trình. Trên cơ sở

áp dụng công nghệ tiên tiến và yêu cầu kỹ thuật, tiến độ của công trình, rà soát đẩy nhanh quá trình thiết kế và tổ chức thi công; xây dựng lại tiến độ các hạng mục công trình, phấn đấu hoàn thành toàn bộ giai đoạn 1 vào tháng 1/2025.

Nông dân phấn khởi vì giá mía 'ngọt' trở lại

Nông dân ở các vùng trồng mía đang bước vào vụ thu hoạch, điều vui mừng là các doanh nghiệp đều thông báo tăng giá mía. Với công suất 5.000 tấn mía/ngày, nhà máy đường Sơn La cần khoảng 600.000 tấn mía nguyên liệu, tương đương với khoảng hơn 9.200 ha mía, theo VOV.

Tuy nhiên, vùng nguyên liệu ở địa phương chỉ còn 7.600 ha do người dân chuyển đổi sang trồng cây ăn quả. Vụ này, CTCP mía đường Sơn La tăng giá thu mua mía từ 850.000 đồng/tấn lên 880.000 đồng/tấn, bao tiêu cho hơn 10.000 hộ dân.

Ông Nguyễn Văn Tài, Giám đốc nhà máy chế biến đường, CTCP mía đường Sơn La cho biết: "Công ty đã mở rộng chính sách hỗ trợ mỗi hộ dân trồng mới tiền làm đất, tiền giống 3 - 8 triệu đồng giúp bà con gắn bó với mía, thâm canh nâng cao năng suất, phát triển bền vững".

Tương tự, CTCP mía đường Cần Thơ (Casuco) cũng vừa có thông báo về giá thu mua mía niên vụ 2021-2022.

Giá mua mía nguyên liệu là 1,18 triệu đồng/tấn đối với mía 10 chữ đường CCS, tăng 250.000 đồng/kg so với giá thu mua của công ty ở vụ mía trước.

Thống đốc NHNN: Áp lực lạm phát và điều hành chính sách tiền tệ trong thời gian tới là rất lớn

Tại phiên chất vấn của Quốc hội ngày 12/11, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (NHNN) Nguyễn Thị Hồng cho rằng qua đánh giá thực trạng về hoạt động tiền tệ của ngân hàng và kinh tế vĩ mô, mục tiêu kiểm soát lạm phát dưới 4% năm nay của Quốc hội có thể đạt được.

"Hết tháng 10, lạm phát mới tăng 1,81%. Tuy nhiên, năm 2022, rủi ro lạm phát đang có áp lực lớn", Thống đốc cho biết. Đây cũng là cơ sở để xác định dư địa còn giảm lãi suất tiếp hay không.

Theo Thống đốc Nguyễn Thị Hồng, các nền kinh tế lớn trên thế giới đang dần phục hồi khi việc tiêm vắc xin đang được phủ rộng. Do đó, giá cả hàng hóa trên thị trường thế giới có xu hướng gia tăng, như giá xăng dầu đã tăng 55,2% trong tháng 9 so với cùng kỳ. Các nước phát triển đang có mức lạm phát cao lịch sử, chẳng hạn như Mỹ, lạm phát đạt 5,3% trong tháng 9.

"Với nền kinh tế có độ mở cửa lớn, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu/GDP trên 200%, Việt Nam có thể đối mặt với rủi ro lạm phát nhập khẩu", bà Hồng nói.

Cùng với đó, các ngân hàng trung ương trên thế giới đang dừng chính sách nới lỏng tiền tệ, đã có 65 lượt tăng lãi suất trên thế giới. "Chính vì thế, áp lực lạm phát và áp lực điều hành chính sách tiền tệ trong thời gian tới là rất lớn", Thống đốc NHNN nhắc lại.

Ngoài ra, Thống đốc cho biết nợ xấu của các tổ chức tín dụng (TCTD) đang gia tăng. Thời gian qua, các ngân hàng giảm lãi bằng chính nguồn lực tài chính của mình chứ không phải tiền ngân sách. Khi nợ xấu gia tăng, các TCTD phải sử dụng nguồn lực tài chính của mình để xử lý nợ xấu.

Bộ trưởng Nguyễn Văn Thể cam kết vận hành sân bay Long Thành vào cuối năm 2025

Theo Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, vào tháng 12/2020, Phó thủ tướng Trịnh Đình Dũng đã chính thức ký dự án đầu tư, giao Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam (ACV) làm chủ đầu tư giai đoạn 1.

Trong 11 tháng vừa qua, người đứng đầu ngành giao thông vận tải đánh giá tương đối tốt về việc làm của ACV và cho biết, ACV đã thực hiện ba nhiệm vụ, gồm xây dựng 75% hàng rào sân bay khoảng 9 km; rà phá bom mìn 75% diện tích toàn sân bay và làm hồ sơ thiết kế kỹ thuật dự toán để triển khai thi công.

Đối với công tác giải phóng mặt bằng, Bộ trưởng cho biết Quốc hội bố trí cho dự án hơn 22.000 tỷ đồng và giao Đồng Nai triển khai từ 2018. Tuy nhiên, tới nay, giải phóng mặt bằng còn chậm, tỷ lệ giải ngân mới đạt 47%, tức là hơn 10.000 tỷ đồng.

"Việc này liên quan tới việc xây dựng tái định cư, kiểm đếm, xây dựng giá, đặc biệt là thời gian qua ảnh hưởng do dịch Covid-19", ông Thể nói.

Tuy nhiên, tư lệnh ngành khẳng định, với 1.265 ha đã bàn giao không ảnh hưởng đến tiến độ của ACV và mong muốn giải ngân hết số vốn mà Quốc hội giao cho Đồng Nai, đề nghị lãnh đạo tích cực hơn nữa giải ngân vốn giải phóng mặt bằng.

Về trách nhiệm của Bộ Giao thông vận tải và ACV, ông Thể cho hay, Phó Thủ tướng Lê Văn Thành đã tổ chức họp hai lần và thống nhất mỗi tháng họp trực tuyến một lần để ACV, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước, tỉnh Đồng Nai cùng với Bộ Giao thông vận tải, các bộ, ngành sẽ tham mưu Chính phủ để đảm bảo tiến độ dự án.

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải cho biết tới hiện nay, công tác thiết kế thi công của mặt bằng đã xong, hiện nay ACV đang tổ chức đấu thầu.

Nếu không có gì thay đổi, tới tháng 3/2022 sẽ tiến hành đồng loạt gói thầu san lấp mặt bằng, xây dựng hạ tầng để tháng 12/2025 chúng ta cơ bản hoàn thành giai đoạn 1 để khai thác sân bay Long Thành.

Bộ Giao thông vận tải phấn đấu giải ngân tối thiểu 90% kế hoạch vốn đầu tư công trong năm nay

Bộ Giao thông vận tải vừa ban hành kế hoạch phát động phong trào thi đua về đẩy mạnh tiến độ thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2021. Trong đó, kế hoạch phấn đấu giải ngân tối thiểu 90% kế hoạch vào cuối năm nay và 95% vào tháng 1/2022.

Kế hoạch còn đặt mục tiêu 100% dự án, công trình đảm bảo chất lượng, tiến độ theo yêu cầu. Theo đó, 100% tổ chức, cá nhân tuân thủ quy trình giải ngân, không gây khó khăn cho đơn vị khi làm thủ tục thanh toán, không vi phạm công tác xây dựng cơ bản. Các đơn vị trực thuộc Bộ Giao thông có kế hoạch, giải pháp và tổ chức thực hiện có hiệu quả, bảo đảm an toàn cho người lao động theo đúng quy định về phòng, chống dịch Covid-19, không để xảy ra lây lan dịch bệnh tại công trường dẫn đến gián đoạn thi công.

Bộ Giao thông vận tải sẽ xử lý nghiêm các chủ đầu tư, ban quản lý dự án, tổ chức, cá nhân cố tình gây khó khăn, cản trở, làm chậm tiến độ giao vốn, thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công thuộc phạm vi quản lý.

Doanh nghiệp liên quan Chủ tịch đăng ký bán 27 triệu cổ phiếu HQC khi thị giá tăng mạnh

Công ty TNHH Tập đoàn Hoàng Quân đăng ký bán 27 triệu cổ phiếu Công ty Tư vấn Thương mại Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân (HoSE: HQC) từ 23/11 đến 22/12. Nếu giao dịch thành công, tổ chức này sẽ giảm sở hữu từ 30,08 triệu đơn vị xuống 3,07 triệu đơn vị, tỷ lệ sở hữu giảm từ 6,31% vốn xuống 0,65%.

Mục tiêu giao dịch là để bổ sung vốn đầu tư, xây dựng các dự án nhà ở thương mại và nhà ở xã hội.

Ông Trương Anh Tuấn, Chủ tịch HQC cùng vợ bà Nguyễn Thị Diệu Phương (Phó Chủ tịch HĐQT) và em là Trương Đức Hiếu (Thành viên HĐQT) sở hữu trên 30% vốn điều lệ Công ty TNHH Tập đoàn Hoàng Quân.

Cổ phiếu HQC có đà tăng giá đáng kể lên vùng 7.200 đồng/cp, gấp 2,4 lần trong 3 tháng và gấp 4,5 lần trong vòng 1 năm. Tạm tính theo vùng giá hiện tại, tổ chức liên quan đến Chủ tịch HĐQT dự thu về 194 tỷ đồng.

Tập đoàn Hoàng Quân mua hơn 38 triệu cổ phiếu HQC vào đầu năm 2017 khi giá ở vùng 2.000 đồng/cp, sau đó đến tháng 7 thì bán ra hơn 8 triệu đơn vị. Như vậy, sau gần 4 năm, tổ chức này bán ra ở vùng giá gấp 3,6 lần.

Vượt kế hoạch lãi sau 9 tháng, May Sông Hồng chốt quyền tạm ứng cổ tức tiền tỷ lệ 45%

May Sông Hồng (HoSE: MSH) công bố quyết định HĐQT thông qua ngày 10/11 đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông tạm ứng cổ tức tỷ lệ 45%, 1 cổ phần được nhận 4.500 đồng/cp. Ngày thực hiện chi trả là 24/12, số tiền thanh toán 225 tỷ đồng.

Theo kế hoạch được thông qua tại kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên, mức cổ tức năm 2021 là 30-45%, trong khi mức chi trả của năm 2020 là 30% bằng tiền mặt.

Doanh nghiệp vừa công bố BCTC hợp nhất quý III với doanh thu thuần 1.296 tỷ đồng, tăng 21%. Giá vốn tăng mạnh hơn khiến biên lãi gộp giảm từ 21,5% về 17,6%. Lợi nhuận gộp tương đương cùng kỳ năm trước đạt 228 tỷ đồng. Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm mạnh từ 152 tỷ về 55 tỷ đồng giúp cho lợi nhuận sau thuế đạt 119 tỷ đồng, gấp 2,8 lần cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân là do cùng kỳ 2020, Tập đoàn RTW Retailwinds (sở hữu chuỗi cửa hàng New York & Company) nộp đơn phá sản. May Sông Hồng phải trích lập dự phòng phải thu đối với khách hàng này khiến chi phí quản lý tăng mạnh.

Lũy kế 9 tháng, doanh nghiệp ghi nhận doanh thu 3.448 tỷ đồng, tăng 16%; lãi sau thuế 335 tỷ đồng, gấp đôi cùng kỳ năm trước. Đơn vị đã vượt 21% mục tiêu lợi nhuận trước thuế sau 9 tháng.

Tập đoàn Gelex hoàn thành vận hành thương mại 140 MW điện gió

Ngày 29/10, trụ turbine cuối cùng của cụm Dự án Nhà máy điện gió tại Quảng Trị với tổng công suất 140 MW của Tập đoàn Gelex (HoSE: GEX) đã được đóng điện thành công.

Như vậy, Gelex đã hoàn thành việc đấu nối, hòa lưới điện quốc gia và được công nhận vận hành thương mại toàn phần cho toàn bộ 5 nhà máy điện gió tại huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị.

5 dự án có tổng mức đầu tư hơn 6.000 tỷ đồng, bao gồm dự án nhà máy điện gió Hướng Phùng 2, Hướng Phùng 3 (12 turbine với tổng công suất lắp đặt 50MW), và các dự án nhà máy điện gió Gelex 1, 2, 3 (21 turbine với tổng công suất lắp đặt 90MW). Tất cả đều đã được công nhận ngày vận hành thương mại trong tháng 10/2021, đủ điều kiện để được hưởng giá điện ưu đãi (8,5 cents/kWh trong vòng 20 năm, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) theo Quyết định số 39/2018/QĐ-TTg, ngày 10/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện gió tại Việt Nam.

DIC Corp nghiên cứu đầu tư khu đô thị tại Bắc Ninh

Thông tin từ Tổng Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng (DIC Corp, Mã: DIG), doanh nghiệp đang triển khai nghiên cứu đầu tư Khu đô thị có quy mô khoảng 160 ha tại huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

Dự án này là khu đô thị hạt nhân nằm trong khu đô thị phía Tây và Tây Bắc huyện Thuận Thành với quy mô 1.530 ha mà DIC Corp đang tài trợ lập quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000.

DIC Corp cho biết, nhiệm vụ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu Đô thị phía Tây và Tây Bắc huyện Thuận Thành đã được UBND tỉnh phê duyệt và nội dung đồ án cũng đã được UBND tỉnh thông qua.

Dự kiến trong dự án khu đô thị 160 ha mà DIC Corp đang nghiên cứu sẽ có khoảng 62 ha đất ở và 15 ha đất thương mại dịch vụ, resort kết hợp với các khu công viên, khu vui chơi giải trí.

Mảng Khu công nghiệp đột phá, Viglacera (VGC) báo lãi ròng quý 3 đạt 200 tỷ đồng, vượt 9% mục tiêu lợi nhuận năm sau 9 tháng

Tổng Công ty Viglacera – CTCP (mã chứng khoán VGC) công bố báo cáo tài chính hợp nhất quý 3 và 9 tháng đầu năm 2021.

Cụ thể, tính riêng quý 2, doanh thu thuần Viglacera đạt 2.207 tỷ đồng, giảm nhẹ 4% so với quý 3 năm ngoái. Khấu trừ chi phí giá vốn, lợi nhuận gộp giảm 13% so với cùng kỳ xuống còn 556 tỷ đồng. Biên lãi gộp đạt 25%.

Doanh thu tài chính trong quý chỉ còn hơn 7 tỷ đồng, giảm 41% trong khi chi phí tài chính đạt 34 tỷ đồng, giảm 29% so với quý 3/2020.

Kết quả, quý 3 Viglacera ghi nhận lãi sau thuế đạt 209 tỷ đồng, giảm 4% so với cùng kỳ năm ngoái, trong đó lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông công ty mẹ xấp xỉ 200 tỷ đồng.

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2021, doanh thu hợp nhất của Viglacera đạt 7.508 tỷ đồng, tăng 6% cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, riêng doanh thu từ cho thuê BĐS, hạ tầng khu công nghiệp ghi nhận 2.179 tỷ đồng, chiếm 29%; ngoài ra doanh thu bán gạch ốp lát đạt 1.751 tỷ đồng và từ các sản phẩm gạch, ngói đất sét nung ghi nhận 1.226 tỷ đồng.

Dragon Capital gom hàng triệu cổ phiếu HPG trong những phiên giảm sâu

Phiên 18/11, nhóm quỹ do Dragon Capital quản lý đã mua thêm 1 triệu cổ phiếu HPG tại Tập đoàn Hòa Phát, nâng sở hữu từ 268,2 triệu lên 269,2 triệu đơn vị.

Theo công bố thông tin vào ngày 10/11, nhóm quỹ ngoại này đang nắm giữ 267 triệu đơn vị HPG. Như vậy từ ngày 11/11 đến 18/11, Dragon Capital đã mua tổng cộng 2,2 triệu cổ phần Tập đoàn Hòa Phát.

Đây cũng là giai đoạn mà giá HPG liên tục đi xuống, từ khoảng 55.000 đồng/cp còn 49.000 đồng/cp, tương đương mức giảm 11%. Ước tính Dragon Capital đã phải chi ra khoảng 110 tỷ đồng để mua số cổ phiếu HPG nói trên.

Xây dựng Hoà Bình muốn thoái sạch 42,5% vốn tại Chứng khoán Sen Vàng

Hội đồng quản trị (HĐQT) CTCP Tập đoàn Xây dựng Hoà Bình (Mã: HBC) vừa công bố nghị quyết thông qua chủ trương chuyển nhượng toàn bộ hơn 5,74 triệu cổ phần tại CTCP Chứng khoán Sen Vàng, tương đương tỷ lệ sở hữu 42,53%.

Giá chuyển nhượng không thấp hơn 6.000 đồng/cp tức Xây dựng Hoà Bình có thể thu về tối thiểu 34,4 tỷ đồng.

Thời gian chuyển nhượng trong vòng ba tháng kể từ khi thông quan nghị quyết này.

Theo báo cáo tài chính hợp nhất quý III/2021 của Xây dựng Hoà Bình, tại ngày 30/9, khoản đầu tư vào Chứng khoán Sen Vàng chỉ còn giá trị chưa tới 13,7 tỷ đồng. Trong đó giá trị vốn góp của Xây dựng Hoà Bình là gần 40,7 tỷ nhưng lỗ luỹ kế tại Chứng khoán Sen Vàng lên tới gần 27 tỷ đồng.

Chỉ báo tham khảo

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets

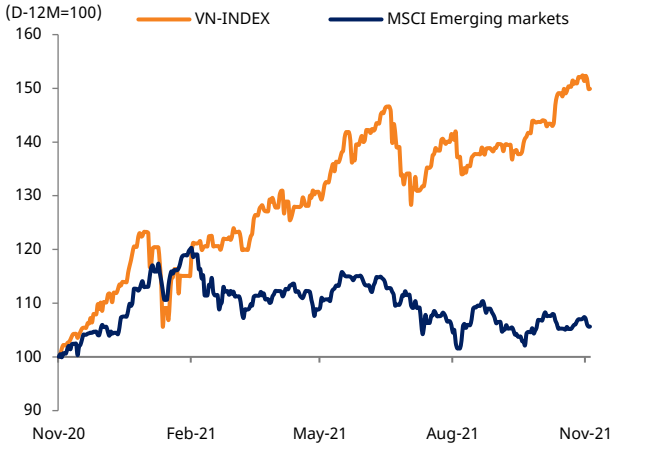

Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND

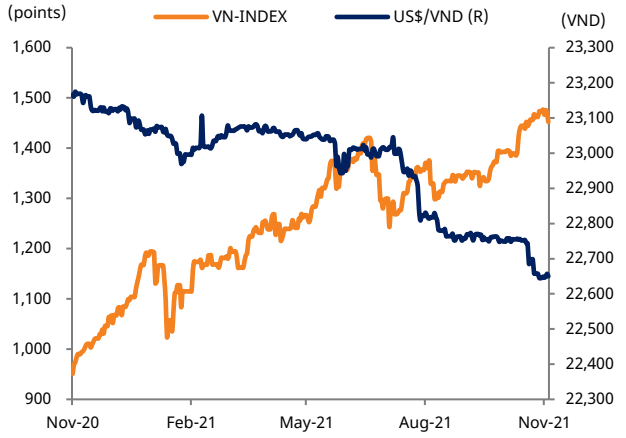

Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài

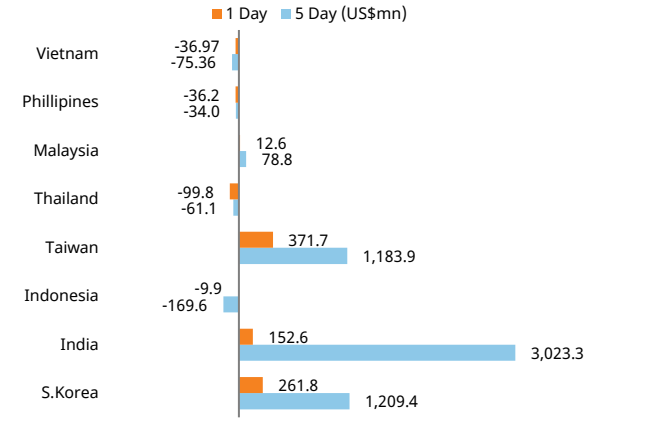

Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND

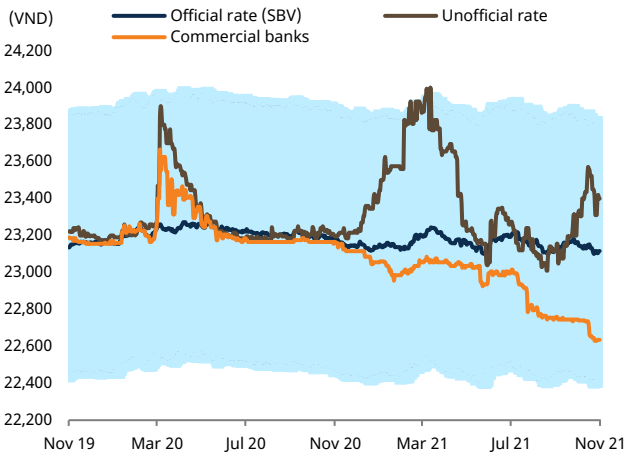

Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ

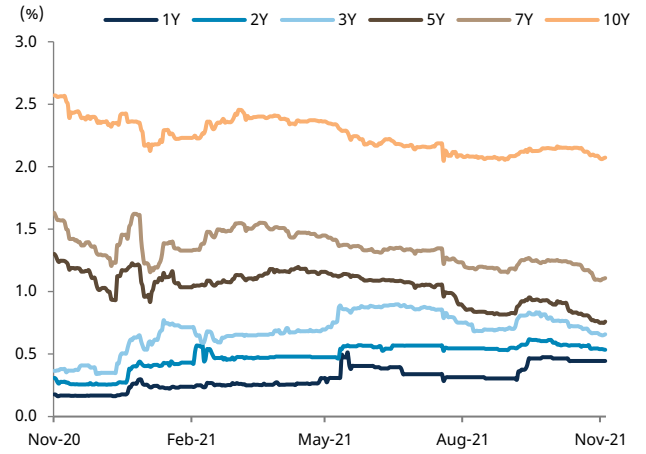

Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng

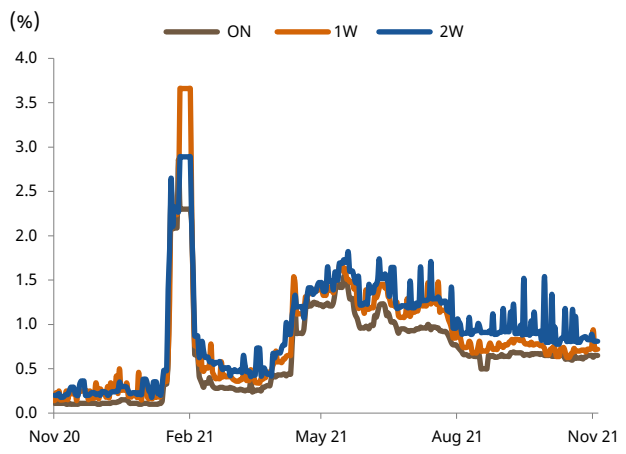

Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá	Vốn hóa	Sở hữu khối ngoại	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
		(VND)	(VND bn)	(%)	1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN30 Index	**VN30 Index**	**1,500.05**	**3,955,368**		**-0.2**	**-1.8**	**-0.5**	**58.7**	**14.3**	**11.9**	**2.6**	**2.2**	**36.4**	**19.6**	**22.9**	**20.8**
Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB VN	33,450	90,380	30.0	2.9	0.3	3.6	53.7	9.3	7.3	2.0	1.6	27.5	27.7	25.1	25.0
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	44,400	178,578	16.6	-0.2	2.8	10.9	9.9	19.8	15.1	2.1	1.9	54.7	31.8	13.2	16.0
Tập đoàn Bảo Việt	BVH VN	61,100	45,356	26.5	-4.8	-2.7	-0.5	7.4	26.0	24.8	2.1	2.0	12.1	4.9	8.6	8.6
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	32,800	157,629	24.8	2.0	0.3	8.3	27.1	10.2	8.4	1.5	1.3	13.4	21.1	18.4	19.9
CTCP FPT	FPT VN	95,300	86,482	49.0	-1.2	-2.8	-3.3	98.9	21.0	17.6	4.5	4.0	26.7	19.8	24.1	25.2
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	106,000	202,879	2.7	-6.9	-10.2	-7.4	29.1	21.9	17.8	4.0	3.7	20.4	23.0	18.7	21.4
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	GVR VN	37,700	150,800	0.6	-5.4	-8.9	0.5	95.3	38.1	34.1	2.9	2.7	4.8	11.8	9.4	10.3
Ngân hàng TMCP Phát triển TPHCM	HDB VN	30,200	60,165	17.7	6.9	7.9	18.7	88.3	10.8	9.4	2.0	1.7	31.1	14.7	22.1	21.1
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	48,000	214,700	24.9	-3.9	-12.1	-16.1	84.1	6.4	6.5	2.2	1.7	162.5	-1.2	42.5	30.0
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	45,900	29,511	31.2	-3.6	-7.3	3.0	104.0	26.6	19.4	3.1	2.6	-8.0	37.6	13.1	14.7
Ngân hàng TMCP Quân đội	MBB VN	28,300	106,927	23.2	0.0	-0.9	0.4	97.7	8.9	7.4	1.6	1.4	44.8	20.6	22.0	22.3
Tập đoàn Masan	MSN VN	147,400	174,011	32.3	-0.4	-1.5	4.5	79.8	50.2	28.4	8.8	6.8	178.7	76.5	18.1	22.4
CTCP Thế giới di động	MWG VN	139,000	99,094	49.0	0.0	2.2	7.2	86.2	20.6	15.7	4.6	3.9	17.0	31.5	24.6	27.8
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	102,200	150,602	8.1	-0.5	-3.6	-0.4	128.0	35.3	20.7	4.2	3.5	-1.3	70.9	18.0	16.3
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR VN	90,700	44,150	3.2	1.2	-0.8	-3.0	183.9	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	59,400	75,473	17.2	-2.6	-1.0	8.4	17.2	20.2	17.7	3.1	3.1	328.2	14.4	16.3	17.3
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	102,300	23,260	48.3	-3.7	-6.9	4.4	38.2	23.1	17.2	4.1	3.5	2.8	34.3	18.9	23.2
TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	13,950	32,669	3.0	-4.8	7.7	13.4	41.6	15.3	13.0	1.0	1.0	-8.7	17.4	7.3	8.0
TCT CP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	SAB VN	167,100	107,158	62.8	-0.7	-2.8	5.4	-13.7	26.3	21.6	4.9	4.3	-10.8	21.7	20.3	22.5
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	48,500	47,644	40.3	-1.1	8.7	18.6	297.9	24.8	22.2	NA	NA	51.0	11.7	17.3	17.7
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	27,900	52,598	16.9	0.9	-0.7	6.5	96.5	17.0	12.7	1.5	1.4	31.9	33.2	10.5	12.1
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	52,300	183,621	22.5	1.6	-0.4	-0.8	123.5	10.7	9.0	2.0	1.6	38.7	19.1	20.8	20.2
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB VN	43,500	50,968	29.9	1.3	0.0	-0.9	115.2	10.3	8.7	2.0	1.6	24.1	18.8	22.2	20.0
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	97,100	360,132	23.6	0.1	-1.1	0.7	7.6	17.4	14.1	3.1	2.6	24.9	23.5	20.2	20.6
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	80,500	350,527	23.0	-2.8	-1.8	1.4	35.0	10.3	8.9	3.0	2.3	22.4	15.1	33.2	28.1
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	94,800	360,734	13.6	0.3	0.3	2.6	2.5	78.8	60.5	3.9	3.7	-19.9	30.2	4.3	5.7
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	127,800	69,218	16.8	1.0	-0.6	-5.5	12.4	NA	35.8	NA	NA	-789.3	-495.1	0.4	16.2
CTCP Sữa Việt Nam	VNM VN	86,100	179,945	54.6	-2.2	-3.6	-4.7	-21.5	18.1	16.9	5.5	5.3	-0.3	7.4	32.8	34.0
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	36,200	160,926	15.2	2.3	-1.5	-6.0	155.5	12.6	10.7	2.1	1.7	20.7	17.6	18.5	16.6
CTCP Vincom Retail	VRE VN	30,500	69,306	29.3	-1.9	1.3	0.7	9.3	36.2	21.2	2.3	2.2	-19.6	70.6	6.6	10.1

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 2: Biến động ngành

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1W)	Vốn hóa (VND bn)	Biến động giá (%)				P/E (X)*		P/B (X)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
			1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN-Index	**-21.02**	**5,716,705**	**-1.2**	**-1.4**	**4.1**	**47.7**	**16.9**	**13.2**	**2.7**	**2.3**	**35.1**	**28.2**	**21.1**	**19.5**
Ô tô và phụ tùng	-0.01	10,305	-2.5	0.7	11.1	65.4	7.9	6.6	1.4	1.2	18.1	20.3	9.5	10.6
Ngân hàng	-0.03	1,713,980	1.4	0.0	3.6	56.2	12.3	10.0	2.0	1.7	32.2	22.6	18.0	18.3
Xây dựng cơ bản	3.33	302,341	-1.0	5.7	45.6	164.1	9.2	8.4	0.6	0.5	40.0	17.4	9.1	8.7
Dịch vụ thương mại	-0.05	5,506	-2.8	-3.0	2.3	35.4	7.5	5.9	NA	NA	10.8	39.0	9.2	12.1
May mặc và trang sức	-0.42	52,681	-2.2	-2.7	9.0	102.5	15.9	12.3	2.9	2.4	20.1	29.1	14.8	17.1
Dịch vụ tiêu dùng	0.03	9,753	-0.7	1.8	3.4	43.3	NA	13.8	NA	NA	NA	NA	-9.0	3.6
Dịch vụ tài chính	3.45	189,134	-2.5	7.7	26.5	331.6	9.7	11.1	1.0	0.9	83.7	-9.7	4.7	4.8
Năng lượng	-0.61	100,195	-3.2	-2.2	7.7	36.8	77.7	17.5	2.6	2.6	NA	NA	13.5	14.7
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	-3.61	589,739	-1.1	-2.1	5.1	26.5	26.7	18.3	5.3	4.5	64.6	35.1	19.9	21.6
Dịch vụ và thiết bị y tế	0.03	3,802	1.0	3.9	26.7	44.4	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Hàng cá nhân và gia dụng	-0.01	1,717	-0.7	-2.9	-5.7	-10.2	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bảo hiểm	-0.35	56,697	-4.5	-2.3	1.1	19.9	21.4	20.6	1.7	1.6	13.5	3.4	6.8	6.9
Nguyên vật liệu	-13.92	558,056	-4.0	-8.4	-4.7	109.0	16.2	14.4	2.3	1.9	NA	8.5	25.1	20.0
Giải trí và truyền thông	0.00	1,489	-1.6	0.1	6.7	-22.5	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Dược phẩm	-0.09	37,631	-2.8	2.6	24.5	89.2	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bất động sản	-2.44	1,271,583	-1.0	-0.8	1.3	19.3	6.1	5.8	1.2	1.1	3.7	6.0	6.9	7.0
Bán lẻ	0.57	111,099	-1.4	-0.5	6.2	60.7	36.8	24.5	2.8	6.1	7.6	46.7	14.2	13.5
Phần mềm và dịch vụ	-0.50	94,683	-0.2	2.0	8.0	86.2	20.4	15.2	4.2	3.7	32.8	32.7	22.3	25.3
Thiết bị và phần cứng	0.56	12,022	-1.1	-1.9	-2.1	101.4	19.2	16.0	4.1	3.6	27.7	20.0	22.0	23.0
Dịch vụ viễn thông	-0.07	2,183	3.8	21.8	18.9	307.8	27.2	21.1	7.8	6.0	61.1	29.0	30.9	26.2
Vận tải	-1.36	203,207	-3.6	-10.6	-3.9	426.8	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tiện ích	-5.75	304,243	-2.7	-2.4	-0.5	57.1	5.3	28.2	29.9	0.5	19.1	NA	-100.0	32.7

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 3: Các cổ phiếu tác động VN-Index

Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1W)	Khối lượng	Điểm tác động
GEX VN	51,000	25.9	19,089,300	2.1
BID VN	44,400	2.8	2,560,180	1.3
HDB VN	30,200	7.9	9,605,280	1.1
SSI VN	48,500	8.7	27,359,840	1.0
BCM VN	57,000	4.2	803,440	0.6
DGC VN	169,300	8.9	2,471,080	0.6
TCH VN	25,650	17.4	14,330,460	0.6
POW VN	13,950	7.7	30,914,320	0.6
VND VN	75,000	7.3	9,193,420	0.6
DGW VN	136,000	21.8	1,353,240	0.6

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1W)	Khối lượng	Điểm tác động
HPG VN	48,000	-12.1	41,500,880	-7.7
GAS VN	106,000	-10.2	1,717,440	-6.0
GVR VN	37,700	-8.9	5,141,840	-3.8
VNM VN	86,100	-3.6	3,617,060	-1.7
VHM VN	80,500	-1.8	6,976,260	-1.7
NVL VN	102,200	-3.6	2,392,060	-1.5
VCB VN	97,100	-1.1	676,800	-1.1
HSG VN	37,500	-16.1	10,468,060	-0.9
HVN VN	23,450	-6.4	4,723,200	-0.9
SAB VN	167,100	-2.8	53,260	-0.8

Nguồn: Bloomberg

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.